

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

CHIỀU QUÊ

Chiều quê hương lúa thơm nồng,
Hoàng hôn trải nắng trên sông ráng chiều.
Nhìn đàn em nhỏ thân yêu,
Hồn nhiên thả những cánh diều tuổi thơ.
Từng đàn bò bước nhón nhợ,
Đứng đờ đờ bên bờ tre xanh.
Môi trường cuộc sống trong lành,
Chiều quê là một bức tranh yên bình.

(Chữ Văn Hòa)

Câu 1: (0,5 điểm) Em hãy cho biết văn bản trên thuộc thể loại gì?

Câu 2: (0,5 điểm) Theo em, cảnh vật nào trong văn bản là đặc trưng của làng quê Việt Nam?

Câu 3: (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong hai câu thơ sau:

*“Môi trường cuộc sống trong lành,
Chiều quê là một bức tranh yên bình.”*

Câu 4: (1,0 điểm) Em hãy cho biết nội dung của văn bản.

Câu 5: (1,0 điểm) Theo em, tác giả đã thể hiện cảm xúc gì đối với quê hương qua văn bản trên?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm) Từ văn bản ở phần đọc - hiểu, em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Chiều quê” của tác giả Chữ Văn Hòa.

Câu 2: (4.0 điểm) Kể lại trải nghiệm: một lần em làm việc tốt.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA HỌC KÌ I (Năm học 2025-2026)
Môn: Ngữ văn lớp 6 MÃ ĐỀ V601

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Câu 1: Thể loại: Thơ lục bát.	0,5
	2	Câu 2: Cảnh vật: lúa, sông, cánh diều, đàn bò, bờ tre xanh.	0,5
	3	Câu 3: Biện pháp tu từ: So sánh “Chiều quê là một bức tranh yên bình” Tác dụng: + Hình thức: Tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt + Nội dung: Tác giả dùng phép so sánh để ví cảnh chiều quê như một bức tranh, thể hiện sự thanh bình và tĩnh lặng của không gian.	1.0
	4	Câu 4: Nội dung: Bài thơ thể hiện vẻ đẹp bình yên, thơ mộng của làng quê nông thôn Việt Nam vào một buổi chiều.	1,0
	5	Câu 5: Cảm xúc của tác giả: yêu quê hương, tự hào đối với vẻ đẹp của quê hương, nhớ những kỉ niệm tuổi thơ gắn với quê hương.	1,0
II		VIẾT	6,0
		1. Viết đoạn văn	2,0
		a. Hình thức:	0,5
		- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn.	
		- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.	1,5
		b. Nội dung.	
		*Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung của bài thơ (câu chủ đề)	0,25
		*Thân đoạn	1,0
		- Nội dung: + Bài thơ khắc họa những nét đặc trưng của làng quê như cánh đồng lúa thơm, bờ tre xanh, dòng sông và con đường làng. + Cảnh hoàng hôn trên sông được mô tả với ánh nắng rực rỡ, tạo nên không khí thơ mộng, huyền ảo. + Hình ảnh đàn em nhỏ hồn nhiên thả diều là một nét đẹp đặc trưng của tuổi thơ, gợi lên sự vui tươi, vô tư. + Những đàn bò bước nhón nhơ bên bờ tre xanh hay sự yên tĩnh của buổi chiều tà đã vẽ nên một bức tranh cuộc sống yên bình, giản dị và trong lành. + Thông qua những hình ảnh cụ thể, tác giả thể hiện tình	

	yêu quê hương tha thiết, niềm tự hào và sự gắn bó sâu sắc với nơi mình sinh ra. - Nghệ thuật: + Lời thơ mộc mạc, gần gũi với đời sống thường ngày, tạo cảm giác thân thương, dễ đi vào lòng người. + Tác giả nhân hóa hoàng hôn như một con người đang trả lại ánh nắng, tạo nên một hình ảnh sống động và lãng mạn cho cảnh hoàng hôn trên sông. + Tác giả dùng phép so sánh để ví cảnh chiều quê như một bức tranh, thể hiện sự thanh bình và tĩnh lặng của không gian. + Điệp ngữ: Cụm từ "chiều quê" được lặp lại trong bài thơ, nhấn mạnh vào khung cảnh và cảm xúc của tác giả về quê hương mình. *Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.	0,25
	2. Viết bài văn	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25
	<i>c. Kể lại câu chuyện</i> a. Mở bài: Giới thiệu được trải nghiệm: một việc làm tốt. b. Thân bài: Trình bày diễn biến của sự việc: - Kể chi tiết diễn biến sự việc: + Việc làm tốt đó là gì? + Em đã làm những hành động cụ thể nào? + Cảm xúc của em trong lúc thực hiện hành động đó? + Tâm trạng của người được giúp đỡ lúc đó như thế nào? - Nêu ích lợi của việc làm tốt đó: + Việc làm của em đã mang lại những kết quả gì? + Nó đã giúp đỡ người khác như thế nào? c. Kết bài: Nêu được ý nghĩa của trải nghiệm đối với người viết. * Hình thức: Dùng ngôi thứ nhất để kể. * Lưu ý: HS có thể kể bằng trải nghiệm của bản thân, GV linh hoạt dựa trên trải nghiệm của các em để chấm.	2.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0,5
	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.	0,5

HẾT

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

MÙA XUÂN CỦA TÔI

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng triu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyện mùa xuân. Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mây ai như trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng ...

[...]

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa mà là cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

(Trích *Mùa xuân của tôi* – Vũ Bằng)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1: (0.5 điểm) Đoạn trích trên được viết theo thể loại gì?

Câu 2: (0.5 điểm) Tìm những chi tiết miêu tả mùa xuân của Hà Nội?

Câu 3: (1.0 điểm) Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong đoạn văn sau:

Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng,...

[...]

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa mà là cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Câu 4: (1.0 điểm) Chỉ ra cái tôi trữ tình của tác giả thể hiện trong đoạn trích trên?

Câu 5: (1.0 điểm) Qua đoạn trích trên, tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta thông điệp gì?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ *Đưa con đi học* của nhà thơ Tế Hanh.

ĐƯA CON ĐI HỌC

Tế Hanh

Sáng nay mùa thu sang
Cha đưa con đi học
Sương đọng cỏ bên đường
Nắng lên ngời hạt ngọc

Lúa đang thì ngậm sữa
Xanh mướt cao ngập đầu
Con nhìn quanh bờ ngõ
Sao chẳng thấy trường đâu?

Hương lúa tỏa bao la
Như hương thơm đất nước
Con ơi đi với cha
Trường của con phía trước

(In trong *Khúc ca mới*, NXB Văn học, 1966)

Câu 2: (4,0 điểm) Hãy viết một bài văn biểu cảm (khoảng 600 chữ) thể hiện tình cảm của em đối với một người thân trong gia đình mà em yêu thương nhất.

---- **HẾT** ----

Phần	Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	- Thể loại: Tùy bút	0.5
	2	- Những chi tiết miêu tả mùa xuân của Hà Nội: Mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng,...	0.5
	3	- Công dụng của dấu chấm lửng + Công dụng của dấu chấm lửng thứ 1 (...): Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết. + Công dụng của dấu chấm lửng thứ 2 [...]: Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.	0.5 0.5
	4	- Cái tôi trữ tình của tác giả: Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mây ai như trắng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.	0.5 0.5
	5	- Thông điệp của đoạn trích: + Yêu quê hương đất nước; yêu quý thiên nhiên + Trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.	0,5 0,5
		VIẾT	6,0
II	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ <i>Đưa con đi học</i> của Tế Hanh.	2.0
		- <i>Đảm bảo cấu trúc, hình thức, dung lượng đoạn văn.</i>	0.25
		- <i>Xác định đúng yêu cầu của đề, diễn đạt mạch lạc, có cảm xúc</i>	0.25
		a. Mở đoạn: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu cảm nhận chung về bài thơ. b. Thân đoạn: *Nội dung:	0.25 0,5

	- Khái quát vẻ đẹp trên đường đi học: + Cảnh vật buổi sáng mùa thu trên quê hương. + Sương đọng cỏ bên đường. + Nắng lên ngời hạt ngọc. + Lúa đang thì ngậm sữa. - Tâm trạng của đứa trẻ được miêu tả trong bài thơ: bơ vơ, lạ lẫm, khao khát tìm trường; tình yêu thương, lời động viên của người cha. *Cảm xúc về nghệ thuật của bài thơ: + Thể thơ năm chữ ngắn gọn, bình dị + Hình ảnh so sánh đặc sắc: “<i>Hương lúa tỏa bao la</i> <i>Như hương thơm đất nước</i>” c. Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân em.	0,5 0,25
2	Hãy viết một bài văn biểu cảm (khoảng 600 chữ) thể hiện tình cảm của em đối với một người thân trong gia đình mà em yêu thương nhất.	4.0
	<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn gồm 3 phần: MB, TB, KB.</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Bài văn biểu cảm về một người thân trong gia đình mà em yêu thương nhất.	0.25
	<i>c. Triển khai các phần của bố cục: Học sinh sắp xếp các ý theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những yêu cầu sau:</i> *Mở bài: - Dẫn dắt, giới thiệu người thân em muốn biểu cảm, khái quát tình cảm của em dành cho người thân đó. *Thân bài: - Miêu tả những chi tiết về ngoại hình gợi cho em cảm xúc sâu sắc: (Ví dụ: vóc dáng, mái tóc, đôi mắt, bàn tay,..) - Nêu cảm xúc của em về tính cách nổi bật của người thân. - Kể lại một kỷ niệm sâu sắc cho thấy tình yêu thương vô bờ bến của người thân dành cho em (Kể về một lần người thân dạy em một bài học cuộc sống, hoặc một lần họ phải hi sinh lợi ích cá nhân vì em...) và thể hiện cảm xúc của em về kỷ niệm đó. *Kết bài: - Cảm xúc sâu sắc nhất của em dành cho người thân. - Nêu lên lời hứa của bản thân. <i>* Lưu ý: GV linh động trong quá trình chấm điểm, HS có thể diễn đạt khác nhưng đúng nội dung vẫn tính điểm.</i>	0,5 0,5 0,5 1,0 0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo</i>	0,25

MB: V8 02

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

“Bạn biết chăng, thế gian này có điều kì diệu, đó là không ai có thể là bản sao 100% của ai cả. Bởi thế, bạn là độc nhất, tôi cũng là độc nhất. Chúng ta là những con người độc nhất vô nhị, dù ta đẹp hay xấu, tài năng hay vô dụng, cao hay thấp, mập hay ốm, có năng khiếu ca nhạc hay chỉ biết gào như vẹt đực.

Vấn đề không phải là vẹt hay thiên nga. Vẹt có giá trị của vẹt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga. Vấn đề không phải là hơn hay kém, mà là sự riêng biệt. Và bạn phải biết trân trọng chính bản thân mình. Người khác có thể đóng góp cho xã hội bằng tài kinh doanh hay năng khiếu nghệ thuật, thì bạn cũng có thể đóng góp cho xã hội bằng lòng nhiệt thành và sự lương thiện.

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”.

(*Bản thân chúng ta là những giá trị có sẵn* - Phạm Lữ Ân)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. (0,5 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại nào?

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định luận đề của văn bản trên?

Câu 3. (1,0 điểm) Tìm và nêu ý nghĩa 2 từ Hán Việt trong đoạn văn sau:

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”.

Câu 4. (1,0 điểm)

Nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua văn bản?

Câu 5. (1,0 điểm)

Vấn đề mà văn bản đề cập đến có ý nghĩa như thế nào với em?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ *Nắng mới* của nhà thơ Lưu Trọng Lư.

NẮNG MỚI

Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác, gà trưa gáy náo nùng,
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ mẹ tôi, thuở thiếu thời
Lúc người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.

Hình dáng mẹ tôi chữa xoá mờ
Hãy còn mừng tượng lúc vào ra:
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.

(Lưu Trọng Lư)

Ghi chú: Một số bản in các chữ “mẹ” là “me”.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng “Ô nhiễm môi trường” hiện nay.

--- Hết ---

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản trên thuộc thể loại nào Thể loại: Văn bản nghị luận xã hội	0,5
	2	Xác định luận đề của văn bản trên Luận đề: Mỗi người sinh ra có một giá trị riêng biệt	0,5
	3	Tìm và nêu ý nghĩa 2 từ Hán Việt trong đoạn văn sau: <i>“Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”.</i> Học sinh tìm và nêu được ý nghĩa của 2 từ Hán Việt Đáp án gợi ý: - <i>Bẩm sinh:</i> Có từ khi sinh ra, vốn có tự nhiên, không phải do rèn luyện hay học tập mà có. - <i>Giá trị:</i> Điều quý báu, đáng trân trọng của con người hoặc sự. - <i>Chuyên cần:</i> Siêng năng, chăm chỉ, cố gắng không bỏ cuộc - <i>Thể thao:</i> Các hoạt động rèn luyện sức khỏe, vận động cơ thể. - <i>Thông minh:</i> có nghĩa hiểu nhanh, tiếp thu nhanh và khôn khéo, tài tình. * Mỗi từ tìm được, học sinh được 0.5 điểm	1,0
	4	Nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua văn bản Thông điệp: - Mỗi con người đều có những giá trị tốt đẹp riêng - Hãy biết trân trọng giá trị mà bản thân đang có Lưu ý: GV linh động trong quá trình chấm điểm, HS có thể diễn đạt khác nhưng đúng nội dung.	1,0
	5	Vấn đề mà văn bản đề cập đến có ý nghĩa như thế nào với em Ý nghĩa: - Em nhận ra giá trị tốt đẹp của bản thân - Em cần thể hiện tốt những giá trị đó qua việc: + Trân trọng chính bản thân mình + Cố gắng hoàn thiện bản thân + Giúp đỡ mọi người, tạo ra giá trị tốt đẹp cho cuộc sống Lưu ý: GV linh động trong quá trình chấm điểm, HS có thể diễn đạt khác nhưng đúng nội dung.	1,0

II		VIẾT	6,0
	1	Đề: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ <i>Nắng mới</i> của nhà thơ Lưu Trọng Lư.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn.	0,25
		b. Xác định đúng đối tượng/vấn đề: cảm xúc của em về bài thơ <i>Nắng mới</i> của nhà thơ Lưu Trọng Lư.	0,25
		c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Dùng ngôi thứ nhất để viết. - Dùng các từ ngữ để liên kết các câu. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục đoạn văn. * Mở đoạn: Giới thiệu tên bài thơ, tác giả, cảm nghĩ chung về bài thơ. * Thân đoạn: - Trình bày cảm xúc của em về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. + Nội dung: Khổ 1: Bức tranh thiên nhiên Nắng mới => Đưa tác giả về với kí ức xưa Khổ 2+3 : Nỗi nhớ và tình yêu dành cho mẹ của tác giả => Mẹ là người phụ nữ truyền thống, dịu dàng và đảm đang, luôn yêu thương, chăm sóc cho con cái - Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ tác phẩm. * Kết đoạn: - Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.	1,0
		d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Đề: Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng “Ô nhiễm môi trường” hiện nay.	4,0
		a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận xã hội Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của bài văn: Văn nghị luận về một vấn đề: Ô nhiễm môi trường.	0,5
		c. Viết được bài văn tự sự bảo đảm các yêu cầu: - Lựa chọn được phương thức biểu đạt phù hợp. - Trình bày hệ thống luận đề, luận điểm, ý kiến, dẫn chứng phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Mở bài: Dẫn dắt giới thiệu vấn đề mà đề yêu cầu. Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. * Thân bài:	2,5

	1. Giải thích vấn đề: ô nhiễm môi trường là gì? 2. Phân tích vấn đề - Thực trạng - Nguyên nhân - Hậu quả 3. Nêu giải pháp khắc phục vấn đề * Kết bài - Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề: ô nhiễm môi trường. - Rút ra bài học cho bản thân. <i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có cách diễn đạt sinh động, sáng tạo.	0,5
Tổng điểm		10,0

HẾT

I. Đọc hiểu văn bản văn học và viết đoạn văn nghị luận văn học (5,0 điểm)

MẸ LÀ DUY NHẤT TRONG CON

Sau chín tháng Mẹ nhọc nhằn vất vả
Một ngày vui nay con đã chào đời
Sữa mẹ tràn bú đi nhé con ơi
Môi chúm chím con cười ôm lấy Mẹ

Niềm hạnh phúc nhìn con mình thơ bé
Lúc con đau lặng lẽ suốt đêm dài
Mong lớn dần con vững bước tương lai
Lời âu yếm con nhớ hoài đầy dạ

Tình Mẹ đó bao la như biển cả
Là suối nguồn... là hoa lá thơm hương
Là niềm tin cho con bước trên đường
Là trắng tở... là vàng dương ngày mới

Mẹ duy nhất không có gì sánh nổi
Nhớ thật nhiều thăm gọi tiếng Mẹ ơi
Lời ru xưa theo con suốt cuộc đời
Mẹ tất cả bầu trời đầy nắng ấm.

(Bằng Lăng Tím)

Câu 1 (3,0 điểm)

- Bài thơ được viết theo thể thơ nào? **(0,5 điểm)**
- Theo tác giả, ngày khiến mẹ vui là ngày nào? **(0,5 điểm)**
- Tình mẹ được so sánh với những hình ảnh nào trong đoạn thơ? **(1,0 điểm)**
- Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn thơ này là gì? **(1,0 điểm)**

Câu 2 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm nghĩ về bài thơ “mẹ là duy nhất trong con” của nhà thơ Bằng Lăng Tím.

II. Đọc hiểu văn bản thông tin và viết bài văn nghị luận xã hội (5,0 điểm)

Trước tình trạng bạo lực học đường gia tăng với tính chất ngày càng nghiêm trọng, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã có công văn chỉ rõ nguyên nhân, biện pháp phòng ngừa.

Ông Nguyễn Hồng Phong, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thanh Hóa, đã ký ban hành công văn khẩn gửi các cấp, ngành, đoàn thể và địa phương, yêu cầu tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống bạo lực học đường trên địa bàn tỉnh.

Công văn nhấn mạnh, dù các cấp ủy Đảng, chính quyền đã dành nhiều quan tâm đến công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, tình trạng bạo lực học đường tại Thanh Hóa vẫn có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, với tính chất ngày càng nghiêm trọng.

(Trích Quách Tuấn, Báo Dân Trí, ngày 7/11/2025)

Câu 1 (1,0 điểm)

Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản gì? Đoạn trích trên đã nhắc đến hiện tượng nào?

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về mức độ nguy hiểm của bạo lực học đường; từ đó, đề xuất giải pháp để cải thiện vấn đề bạo lực học đường.

- HẾT -

Môn: Ngữ văn - Lớp 9 **MÃ ĐỀ V9 01**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu văn bản văn học và viết đoạn văn nghị luận văn học	1	Đọc hiểu văn bản văn học	2,0
	a	Thể thơ tám chữ	0,5
	b	Ngày khiến mẹ vui là ngày con chào đời	0,5
	c	"Bao la như biển cả", "suối nguồn", "hoa lá thơm hương"...	1,0
	d	Hãy luôn yêu thương, trân trọng và ghi nhớ công ơn sinh thành, dưỡng dục to lớn của mẹ...	1,0
	2	Viết đoạn văn nghị luận văn học	2,0
		Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm nghĩ về bài thơ “mẹ là duy nhất trong con” của nhà thơ Bằng Lăng Tím.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn.	0,25
		b. Xác định đúng đối tượng/vấn đề	0,25
		c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Dùng ngôi thứ nhất để viết. - Dùng các từ ngữ để liên kết các câu. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục đoạn văn Mở đoạn Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề). Thân đoạn <u>Luận điểm 1: Nội dung của bài thơ</u> - Tình mẹ là tình mẫu tử "duy nhất" trong đời con. Dù con đi đâu, về đâu, dù có gặp bao nhiêu người tốt, mẹ vẫn mãi là người mẹ duy nhất, yêu thương và hy sinh vì con suốt cuộc đời. - Chỉ có mẹ mới mang đến cho con tình yêu vô điều kiện, sự che chở và quan tâm chu đáo. - Là suối nguồn... là hoa lá thơm hương, Là niềm tin cho con bước trên đường, Là trăng tỏ... là vàng dương ngày mới → Tất cả những yếu tố ấy hòa quyện, làm nên một bài thơ chan chứa tình cảm, ca ngợi công lao to lớn của mẹ, đồng thời đánh thức lòng biết ơn và tình yêu thương trong trái tim mỗi người con. <u>Luận điểm 2: Nghệ thuật của bài thơ</u> - Điệp ngữ “là...” được lặp lại nhiều lần không chỉ nhấn mạnh vai trò	0,25

	giới tính, hay địa điểm. Đây là một vấn đề đáng lo ngại đối với xã hội. b. Nguyên nhân ➤ <i>Chủ quan:</i> - Suy nghĩ lệch lạc: Một số học sinh có suy nghĩ sai trái và tin rằng sử dụng bạo lực là cách để thể hiện sức mạnh và cá tính của họ. - Ảnh hưởng từ các chương trình và trò chơi bạo lực: Các sản phẩm giải trí có nội dung bạo lực có thể ảnh hưởng đến tư duy và hành vi của học sinh. ➤ <i>Khách quan:</i> Giáo dục và quản lý không hiệu quả: Sự thiếu quan tâm và giám sát của gia đình, nhà trường là một yếu tố quan trọng dẫn đến sự gia tăng của bạo lực học đường. c. Hậu quả - Bạo lực học đường gây mất đi hình ảnh trong sáng và tốt đẹp của học sinh, ảnh hưởng đến sự tự tin và phát triển cá nhân của họ. - Nó là một con dao hai lưỡi, gây tổn thương nghiêm trọng về thể chất và tinh thần cho nạn nhân, đồng thời ảnh hưởng đến quá trình hoàn thiện nhân cách và đạo đức của người bạo lực. <u>3. Nêu giải pháp khắc phục vấn đề</u> - Học sinh cần cố gắng học tập và xây dựng mối quan hệ bạn bè, thầy trò tốt đẹp, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau. - Gia đình và nhà trường cần tăng cường giáo dục về giá trị đạo đức, quản lý hành vi của học sinh và tạo ra môi trường an toàn cho họ. <u>Kết bài</u> - Khẳng định lại mức độ nguy hiểm của bạo lực học đường. - Rút ra bài học cho bản thân. <i>Lưu ý:</i> Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25
	c. Hậu quả - Bạo lực học đường gây mất đi hình ảnh trong sáng và tốt đẹp của học sinh, ảnh hưởng đến sự tự tin và phát triển cá nhân của họ. - Nó là một con dao hai lưỡi, gây tổn thương nghiêm trọng về thể chất và tinh thần cho nạn nhân, đồng thời ảnh hưởng đến quá trình hoàn thiện nhân cách và đạo đức của người bạo lực. <u>3. Nêu giải pháp khắc phục vấn đề</u> - Học sinh cần cố gắng học tập và xây dựng mối quan hệ bạn bè, thầy trò tốt đẹp, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau. - Gia đình và nhà trường cần tăng cường giáo dục về giá trị đạo đức, quản lý hành vi của học sinh và tạo ra môi trường an toàn cho họ. <u>Kết bài</u> - Khẳng định lại mức độ nguy hiểm của bạo lực học đường. - Rút ra bài học cho bản thân. <i>Lưu ý:</i> Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

- HẾT -

TRƯỜNG THCS PHÚ AN**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1****NĂM HỌC 2025-2026****Môn: Ngữ văn - Lớp 8**

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao phát đề)

Ngày kiểm tra: / / 2025

1. MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	5	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	40%
				2	10%	2	20%	1	10%	
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

2. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	I. Đọc hiểu	Thể loại: văn bản nghị luận xã hội	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại và đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội. - Nhận biết được luận đề của văn bản thể hiện qua các luận điểm ý kiến, dẫn chứng được nêu ra trong bài Thông hiểu: - Trình bày được thông điệp của văn bản. - Phân tích được tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua các ý kiến nêu ra. - Tìm và giải thích được	2	2	1

			ý nghĩa của các từ Hán Việt có trong văn bản. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa mà bản thân rút ra được từ vấn đề nêu ra của văn bản.			
2	II.Viết	1. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ bảy chữ.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ <i>Nắng mới</i> của nhà thơ Lưu Trọng Lư.	1*	1*	1*
		2.Viết bài văn: nghị luận về một vấn đề của đời sống.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viết bài văn bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng “Ô nhiễm môi trường” hiện nay.	1*	1*	1*
Tổng				2	2	3
Tỉ lệ %				22,5 %	35%	42,5 %
Tỉ lệ chung				57,5%		42,5 %

<i>Phú An, ngày.....tháng.....năm 2025</i> Tổ trưởng chuyên môn Huỳnh Thị Hồng Hoa	<i>Phú An, ngày tháng năm 2025</i> Giáo viên ra đề Hoàng Nữ Cẩm Tú
--	--

Phú An, ngày.....tháng.....năm 2025
Lãnh đạo trường

1. MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						Tổng
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	<i>Văn bản đọc hiểu</i>	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
II	Năng lực Viết	<i>Viết đoạn văn</i>	1	5%		5%		10%		20%
		<i>Viết bài văn</i>	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

2. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chương /Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
I. Đọc hiểu	Thể loại: Thơ lục bát	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại của văn bản. - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu trong văn bản. Thông hiểu: - Hiểu được chủ đề, đề tài thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận xét được tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. Vận dụng:	2	2	1

			- Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gọi ra từ văn bản			
	II. Viết	1. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) : nêu cảm nghĩ về một bài thơ lục bát.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) : nêu cảm nghĩ về một bài thơ lục bát.	1 *	1*	1*
		2. Bài văn: Kể lại trải nghiệm: một lần em làm việc tốt.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Kể lại trải nghiệm: một lần em làm việc tốt.	1 *	1*	1*
Tổng				2	2	3
Tỉ lệ %				22,5 %	35%	42,5%
Tỉ lệ chung				57,5%		42,5%

<i>Phú An, ngày tháng năm 2025</i> Tổ trưởng chuyên môn Ký duyệt Huỳnh Thị Hồng Hoa	<i>Phú An, ngày tháng 12 năm 2025</i> Giáo viên ra đề Thân Thị Minh Trang
--	---

<i>Phú An, ngày tháng năm 2025</i> Lãnh đạo trường Ký duyệt

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

CHIỀU QUÊ

Chiều quê hương lúa thơm nồng,
Hoàng hôn trải nắng trên sông ráng chiều.
Nhìn đàn em nhỏ thân yêu,
Hồn nhiên thả những cánh diều tuổi thơ.
Từng đàn bò bước nhón nhợ,
Đứng đờ đờ bên bờ tre xanh.
Môi trường cuộc sống trong lành,
Chiều quê là một bức tranh yên bình.

(Chữ Văn Hòa)

Câu 1: Em hãy cho biết văn bản trên thuộc thể loại gì?

Câu 2: Theo em, cảnh vật nào trong văn bản là đặc trưng của làng quê Việt Nam?

Câu 3: Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong hai câu thơ sau:

“Môi trường cuộc sống trong lành,
Chiều quê là một bức tranh yên bình.”

Câu 4: Em hãy cho biết nội dung của văn bản.

Câu 5: Theo em, tác giả đã thể hiện cảm xúc gì đối với quê hương qua văn bản trên?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm) Từ văn bản ở phần đọc - hiểu, em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Chiều quê” của tác giả Chữ Văn Hòa.

Câu 2: (4.0 điểm) Kể lại trải nghiệm: một lần em làm việc tốt.

----- Hết -----

Phú An, ngày tháng năm 2025 Tổ trưởng chuyên môn Kí duyệt Huỳnh Thị Hồng Hoa	Phú An, ngày tháng 12 năm 2025 Giáo viên ra đề Thân Thị Minh Trang
--	--

Phú An, ngày tháng năm 2025

Lãnh đạo trường

Kí duyệt

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Câu 1: Thể loại: Thơ lục bát.	0,5
	2	Câu 2: Cảnh vật: lúa, sông, cánh diều, đàn bò, bờ tre xanh.	0,5
	3	Câu 3: Biện pháp tu từ: So sánh “ <i>Chiều quê là một bức tranh yên bình</i> ” Tác dụng: + Hình thức: Tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt + Nội dung: Tác giả dùng phép so sánh để ví cảnh chiều quê như một bức tranh, thể hiện sự thanh bình và tĩnh lặng của không gian.	1.0
	4	Câu 4: Nội dung: Bài thơ thể hiện vẻ đẹp bình yên, thơ mộng của làng quê nông thôn Việt Nam vào một buổi chiều.	1,0
	5	Câu 5: Cảm xúc của tác giả: yêu quê hương, tự hào đối với vẻ đẹp của quê hương, nhớ những kỉ niệm tuổi thơ gắn với quê hương.	1,0
II		VIẾT	6,0
		1. Viết đoạn văn	2,0
		a. Hình thức:	0,5
		- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn.	
		- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.	1,5
		b. Nội dung. *Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung của bài thơ (câu chủ đề) *Thân đoạn - Nội dung: + Bài thơ khắc họa những nét đặc trưng của làng quê như cánh đồng lúa thơm, bờ tre xanh, dòng sông và con đường làng. + Cảnh hoàng hôn trên sông được mô tả với ánh nắng rực rỡ, tạo nên không khí thơ mộng, huyền ảo. + Hình ảnh đàn em nhỏ hồn nhiên thả diều là một nét đẹp đặc trưng của tuổi thơ, gợi lên sự vui tươi, vô tư. + Những đàn bò bước nhón nhờ bên bờ tre xanh hay sự yên tĩnh của buổi chiều tà đã vẽ nên một bức tranh cuộc sống yên bình, giản dị và trong lành. + Thông qua những hình ảnh cụ thể, tác giả thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, niềm tự hào và sự gắn bó sâu sắc với nơi mình sinh ra. - Nghệ thuật:	0,25 1,0

	+ Lời thơ mộc mạc, gần gũi với đời sống thường ngày, tạo cảm giác thân thương, dễ đi vào lòng người. + Tác giả nhân hóa hoàng hôn như một con người đang trả lại ánh nắng, tạo nên một hình ảnh sống động và lãng mạn cho cảnh hoàng hôn trên sông. + Tác giả dùng phép so sánh để ví cảnh chiều quê như một bức tranh, thể hiện sự thanh bình và tĩnh lặng của không gian. + Điệp ngữ: Cụm từ "chiều quê" được lặp lại trong bài thơ, nhấn mạnh vào khung cảnh và cảm xúc của tác giả về quê hương mình. *Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.	0,25
	2. Viết bài văn	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25
	<i>c. Kể lại câu chuyện</i> a. Mở bài: Giới thiệu được trải nghiệm: một việc làm tốt. b. Thân bài: Trình bày diễn biến của sự việc: - Kể chi tiết diễn biến sự việc: + Việc làm tốt đó là gì? + Em đã làm những hành động cụ thể nào? + Cảm xúc của em trong lúc thực hiện hành động đó? + Tâm trạng của người được giúp đỡ lúc đó như thế nào? - Nêu ích lợi của việc làm tốt đó: + Việc làm của em đã mang lại những kết quả gì? + Nó đã giúp đỡ người khác như thế nào? c. Kết bài: Nêu được ý nghĩa của trải nghiệm đối với người viết. * Hình thức: Dùng ngôi thứ nhất để kể. * Lưu ý: HS có thể kể bằng trải nghiệm của bản thân, GV linh hoạt dựa trên trải nghiệm của các em để chấm.	2,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.	0,5

Phú An, ngày tháng năm 2025 Tổ trưởng chuyên môn Kí duyệt Huỳnh Thị Hồng Hoa	Phú An, ngày tháng 12 năm 2025 Giáo viên ra đề Thân Thị Minh Trang
---	--

Phú An, ngày tháng năm 2025
Lãnh đạo trường
Kí duyệt

1. MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	Tùy bút	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại, những dấu hiệu đặc trưng của thể loại tùy bút. Thông hiểu: - Hiểu và nhận biết công dụng của dấu chấm lửng. - Chỉ ra được cái tôi trữ tình của tác giả. Vận dụng: - Rút ra được bài học, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc. - Nêu được tình cảm, việc làm của bản thân sau khi học tùy bút.	2	2	1
2	Viết	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ năm chữ.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viết được đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc về bài thơ <i>Đưa con đi học</i> của Tế Hanh.	1*	1*	1*
3	Viết	Viết bài văn biểu cảm về con người.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viết bài văn biểu cảm (khoảng 600 chữ) thể hiện tình cảm của em đối với một người thân trong gia đình mà em yêu thương.	1*	1*	1*
Tổng				2	2	3

Tỉ lệ %		22,5%	35%	42,5%
Tỉ lệ chung		100%		

<i>Phú An, ngày..... tháng 12 năm 2025</i> Tổ trưởng chuyên môn Huỳnh Thị Hồng Hoa	<i>Phú An, ngày 05 tháng 12 năm 2025</i> Giáo viên ra đề Đỗ Thị Hiền
--	--

<i>Phú An, ngày.... tháng ... năm 2025</i> Lãnh đạo trường

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

MÙA XUÂN CỦA TÔI

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyện mùa xuân. Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mây ai như trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng ...

[...]

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa mà là cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

(Trích Mùa xuân của tôi – Vũ Bằng)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1: (0.5 điểm) Đoạn trích trên được viết theo thể loại gì?

Câu 2: (0.5 điểm) Tìm những chi tiết miêu tả mùa xuân của Hà Nội?

Câu 3: (1.0 điểm) Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong đoạn văn sau:

Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng,...

[...]

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa mà là cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Câu 4: (1.0 điểm) Chỉ ra cái tôi trữ tình của tác giả thể hiện trong đoạn trích trên?

Câu 5: (1.0 điểm) Qua đoạn trích trên, tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta thông điệp gì?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ *Đưa con đi học* của nhà thơ Tế Hanh.

ĐƯA CON ĐI HỌC

Tế Hanh

Sáng nay mùa thu sang
Cha đưa con đi học
Sương đọng cỏ bên đường
Nắng lên ngời hạt ngọc

Lúa đang thì ngậm sữa
Xanh mướt cao ngập đầu
Con nhìn quanh bờ ngõ
Sao chẳng thấy trường đâu?

Hương lúa tỏa bao la
Như hương thơm đất nước
Con ơi đi với cha
Trường của con phía trước

(In trong *Khúc ca mới*, NXB Văn học, 1966)

Câu 2: (4,0 điểm) Hãy viết một bài văn biểu cảm (khoảng 600 chữ) thể hiện tình cảm của em đối với một người thân trong gia đình mà em yêu thương nhất.

---- HẾT ----

<i>Phú An, ngày.....tháng 12 năm 2025</i> Tổ trưởng chuyên môn	<i>Phú An, ngày 05 tháng 12 năm 2025</i> Giáo viên ra đề
Huỳnh Thị Hồng Hoa	Đỗ Thị Hiền

<i>Phú An, ngày tháng năm 2025</i> Lãnh đạo trường

Phần	Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	- Thể loại: Tùy bút	0.5
	2	- Những chi tiết miêu tả mùa xuân của Hà Nội: Mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lạnh lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng,...	0.5
	3	- Công dụng của dấu chấm lửng + Công dụng của dấu chấm lửng thứ 1 (...): Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết. + Công dụng của dấu chấm lửng thứ 2 [...]: Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.	0.5 0.5
	4	- Cái tôi trữ tình của tác giả: Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mây ai như trắng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.	0.5 0.5
	5	- Thông điệp của đoạn trích: + Yêu quê hương đất nước; yêu quý thiên nhiên + Trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.	0,5 0,5
		VIẾT	6,0
II	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ <i>Đưa con đi học</i> của Tế Hanh.	2.0
		- <i>Đảm bảo cấu trúc, hình thức, dung lượng đoạn văn.</i>	0.25
		- <i>Xác định đúng yêu cầu của đề, diễn đạt mạch lạc, có cảm xúc</i>	0.25
		a. Mở đoạn: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.	0.25

	- Nêu cảm nhận chung về bài thơ. b. Thân đoạn: *Nội dung: - Khái quát vẻ đẹp trên đường đi học: + Cảnh vật buổi sáng mùa thu trên quê hương. + Sương đọng cỏ bên đường. + Nâng lên ngời hạt ngọc. + Lúa đang thì ngậm sữa. - Tâm trạng của đứa trẻ được miêu tả trong bài thơ: bơ vơ, lạ lẫm, khao khát tìm trường; tình yêu thương, lời động viên của người cha. *Cảm xúc về nghệ thuật của bài thơ: + Thể thơ năm chữ ngắn gọn, bình dị + Hình ảnh so sánh đặc sắc: “<i>Hương lúa tỏa bao la</i> <i>Như hương thơm đất nước</i>” c. Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân em.	0,5 0,5 0,25
2	Hãy viết một bài văn biểu cảm (khoảng 600 chữ) thể hiện tình cảm của em đối với một người thân trong gia đình mà em yêu thương nhất.	4.0
	<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn gồm 3 phần: MB, TB, KB.</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Bài văn biểu cảm về một người thân trong gia đình mà em yêu thương nhất.	0.25
	<i>c. Triển khai các phần của bố cục: Học sinh sắp xếp các ý theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những yêu cầu sau:</i> *Mở bài: - Dẫn dắt, giới thiệu người thân em muốn biểu cảm, khái quát tình cảm của em dành cho người thân đó. *Thân bài: - Miêu tả những chi tiết về ngoại hình gợi cho em cảm xúc sâu sắc: (Ví dụ: vóc dáng, mái tóc, đôi mắt, bàn tay,..) - Nêu cảm xúc của em về tính cách nổi bật của người thân. - Kể lại một kỷ niệm sâu sắc cho thấy tình yêu thương vô bờ bến của người thân dành cho em (Kể về một lần người thân dạy em một bài học cuộc sống, hoặc một lần họ phải hi sinh lợi ích cá nhân vì em...) và thể hiện cảm xúc của em về kỷ niệm đó. *Kết bài: - Cảm xúc sâu sắc nhất của em dành cho người thân. - Nêu lên lời hứa của bản thân. * Lưu ý: GV linh động trong quá trình chấm điểm, HS có thể diễn đạt khác nhưng đúng nội dung vẫn tính điểm.	0,5 0,5 0,5 1,0 0,5

		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> <i>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</i>	0,25
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo</i>	0,25

<i>Phú An, ngày.....tháng 12 năm 2025</i> Tổ trưởng chuyên môn	<i>Phú An, ngày 05 tháng 12 năm 2025</i> Giáo viên ra đề
Huỳnh Thị Hồng Hoa	Đỗ Thị Hiền

<i>Phú An, ngày.....tháng ... năm 2025</i> Lãnh đạo trường

1. MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	5	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	40%
				2	10%	2	20%	1	10%	
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

2. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương /Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	I.Đọc hiểu	Thể loại: Thơ	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, nhân vật trong tác phẩm thơ. Thông hiểu: - Hiểu được nội dung bao quát, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Phân tích được một số hình ảnh chi tiết, hình ảnh trong bài thơ. - Xác định và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ. Vận dụng: - Rút ra được bài học, thông điệp từ nội dung văn	2	2	1

			bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ tình cảm, lối sống và cách thưởng thức nghệ thuật sau khi đọc hiểu văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về văn học để đọc hiểu văn bản.			
2	II.Viết	1. Viết đoạn văn	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viết được đoạn văn (khoảng 150-200 chữ) cảm nghĩ về một bài thơ 8 chữ	1*	1*	1*
		2.Viết bài văn	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viết được bài văn về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử	1*	1*	1*
Tổng				2	2	3
Tỉ lệ %				22,5%	35%	42,5%
Tỉ lệ chung				57,5%		42,5%

